

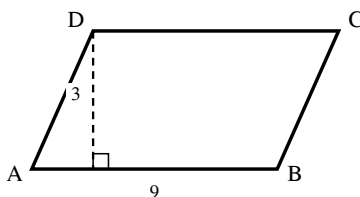
Họ, tên thí sinh:

Mã đề: 1767

Số báo danh:

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.**Câu 1:** Hình bình hành ABCD trong hình bên có cạnh đáy $AB = 9$ và chiều cao tương ứng $h = 3$.

Diện tích hình bình hành bằng:



A. 54

B. 24

C. 12

D. 27

Câu 2: Phân thức $(x^2 - 1)/(2x + 1)$ có phân thức nghịch đảo là:A. $(-2x - 1)/(x^2 - 1)$ B. $(1 - x^2)/(2x + 1)$ C. $(2x + 1)/(x^2 - 1)$ D. $(2x + 1)/(1 - x^2)$ **Câu 3:** Tìm cặp đơn thức đồng dạng trong các cặp đơn thức sau:A. $x^3 \cdot y$ và $3xy^3$ B. $6x^3 \cdot y^2$ và $6y^3 \cdot x^2$ C. $2x^2 \cdot y$ và $-y \cdot x^2$ D. $-5x^2 \cdot yz$ và $-5xy^2 \cdot z$ **Câu 4:** Tính giá trị biểu thức $A = x^2 - 4x + 4$ tại $x = 5$:

A. 9

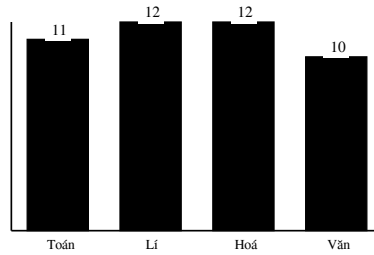
B. 25

C. 1

D. 29

Câu 5: Kết quả của phép trừ hai phân thức $x/(x+3) - 1/(x+3)$ là:A. $(-x + 1)/(x + 3)$ B. $(x - 1)/(2x + 6)$ C. $(x - 1)/(x + 3)$ D. $(-x - 1)/(x + 3)$ **Câu 6:** Chu vi của tam giác đều cạnh a bằng:A. $a/3$ B. $2a$ C. $3a$ D. a^2

Câu 7: Biểu đồ cột bên cho biết số học sinh đạt giải ở mỗi môn. Tổng số học sinh đạt giải bằng:



A. 12

B. 46

C. 45

D. 43

Câu 8: Hai tam giác đồng dạng tỉ số $2/3$, tam giác lớn có chu vi 30. Chu vi tam giác bé là:

A. 20

B. 45

C. 10

D. 15

Câu 9: Một hộp kín có 4 viên bi màu vàng, 5 viên bi màu xanh. Lấy ngẫu nhiên một viên. Xác suất của biến cố "lấy được viên bi màu vàng" là:

A. $5/4$

B. $4/5$

C. $9/4$

D. $4/9$

Câu 10: Với điều kiện nào của x thì phân thức $(x-1)/(x-2)$ xác định?

A. $x \neq 1$

B. $x = 2$

C. $x \leq 2$

D. $x \neq 2$

Câu 11: Đơn thức nào sau đây đồng dạng với $3x^2y$?

A. $x y$

B. $-5x^2y$

C. $3x^2$

D. $3xy^2$

Câu 12: Phân tích đa thức $x^3 - 8$ thành nhân tử, ta được:

A. $(x - 2)(x^2 - 2x + 4)$

B. $(x - 2)(x^2 + 2x + 4)$

C. $(x - 2)(x^2 + 4)$

D. $(x - 2)^3$

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 7. Câu 1–5: trả lời ngắn (ghi đáp số); câu 6–7: tự luận (trình bày lời giải).

Câu 1: Phương trình $5(x - 8) = 0$ có nghiệm là: Trả lời:

Câu 2: Hiện nay tuổi mẹ gấp 4 lần tuổi con và mẹ hơn con 39 tuổi. Tuổi con hiện nay là: Trả lời:

Câu 3: Một hình chữ nhật có hai kích thước 20 và 21. Độ dài đường chéo bằng: Trả lời:

Câu 4: Nghiệm của phương trình $5x - 40 = 0$ là: Trả lời:

Câu 5: Một chiếc thang dài 25 m dựa vào tường, chân thang cách chân tường 15 m. Thang chạm tường ở độ cao bao nhiêu mét? Trả lời:

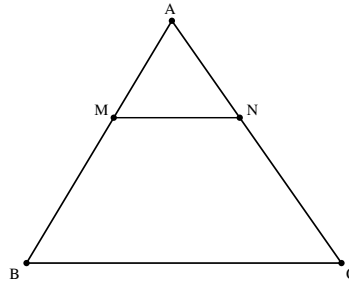
Câu 6: Cho tam giác ABC. Trên cạnh AB lấy điểm M , trên cạnh AC lấy điểm N sao cho $MN \parallel BC$.

a) Chứng minh tam giác AMN đồng dạng với tam giác ABC.

b) Cho $AM/AB = 2/3$ và $BC = 9$ cm. Tính độ dài MN.

c) Biết diện tích tam giác AMN bằng 8 cm^2 . Tính diện tích tam giác ABC.

(Tự luận chứng minh — trình bày lời giải)



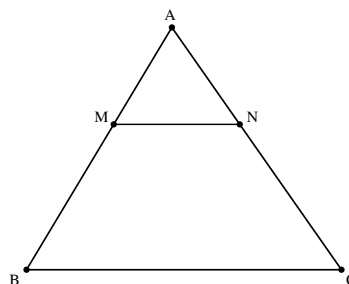
Câu 7: Cho tam giác ABC, đường thẳng d song song với BC, cắt cạnh AB tại M và cắt cạnh AC tại N .

a) Chứng minh $AM/AB = AN/AC$.

b) Chứng minh $AM/MB = AN/NC$.

c) Cho $AM = 3$ cm, $MB = 2$ cm, $AC = 7,5$ cm. Tính độ dài AN.

(Tự luận chứng minh — trình bày lời giải)



----- **HẾT** -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;

- Giám thị không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO — Đề thi thử giữa học kỳ 2 môn Toán lớp 8 (Đợt 2)
— Đề số 6

Phần I. Trắc nghiệm 4 phương án

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	D	C	C	A	C	C	C	A	D	D	B	B

Phần II. Tự luận

Câu	1	2	3	4	5	6	7
Đáp án	8	13	29	8	20	(TL)	(TL)

** Lời giải chi tiết từng câu chỉ hiển thị sau khi mở khoá đáp án của đề (hoặc mua trọn bộ).*